

CHÍNH PHỦ
Số: 48-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 8 tháng 7 năm 1993

NGHỊ ĐỊNH
Về hộ chiếu và thị thực

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi để công dân Việt Nam thực hiện quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

1. Nghị định này quy định về hộ chiếu, thị thực của Việt Nam, cơ quan Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp hộ chiếu, thị thực cho công dân Việt Nam xuất cảnh, nhập cảnh, và quá cảnh Việt Nam.

2. Việc cấp giấy tờ cho thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam; giấy tờ cho công dân Việt Nam xuất cảnh, nhập cảnh khu vực biên giới và việc cấp thị thực nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh Việt Nam cho người nước ngoài không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Điều 2.

1. Công dân Việt Nam xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh được cấp hộ chiếu và thị thực Việt Nam phù hợp với những quy định của Nghị định này.

2. Công dân Việt Nam khi xuất cảnh, nhập cảnh hoặc quá cảnh Việt Nam phải xuất trình hộ chiếu Việt Nam còn giá trị hoặc giấy thông hành thay hộ chiếu và phải có thị thực hợp lệ, trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định này.

Chương II

HỘ CHIẾU VIỆT NAM

Điều 3.

1. Hộ chiếu Việt Nam nói trong Nghị định này gồm hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, hộ chiếu phổ thông.

2. Thời hạn giá trị của hộ chiếu là 5 năm tính từ ngày cấp và có thể gia hạn một lần với thời gian không quá 3 năm. Thời hạn giá trị của hộ chiếu cấp cho trẻ em dưới 16 tuổi là 3 năm tính từ ngày cấp và không được gia hạn.

3. Trong trường hợp cá biệt theo sự thoả thuận của Bộ Nội vụ và Bộ Ngoại giao công dân Việt Nam có thể được cấp giấy thông hành để xuất cảnh hoặc nhập cảnh. Thời hạn giá trị của giấy thông hành là 3 tháng kể từ ngày cấp và chỉ được gia hạn một lần không quá 3 tháng.

4. Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ thống nhất quy định nội dung, hình thức các loại hộ chiếu, giấy thông hành thay hộ chiếu, Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm in ấn, quản lý các loại hộ chiếu, giấy thông hành trước khi đưa ra sử dụng (ấn phẩm trắng).

Điều 4.

1. Công dân Việt Nam được cấp hộ chiếu nếu có đủ các điều kiện sau:

a) Được cơ quan Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền theo quy định của pháp luật cho phép xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh;

b) Đủ 16 tuổi, tính đến ngày nộp đơn xin cấp hộ chiếu. Trẻ em dưới 16 tuổi đi cùng cha mẹ hoặc người đỡ đầu thì ghi tên và dán ảnh vào hộ chiếu của cha mẹ hoặc người đỡ đầu. Trường hợp cá biệt có thể cấp hộ chiếu phổ thông riêng cho trẻ em đi một mình.

2. Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ quy định thủ tục xin cấp hộ chiếu.

Điều 5. Hộ chiếu ngoại giao được cấp cho những người đang giữ các chức vụ dưới đây được cử ra nước ngoài để thực hiện nhiệm vụ chính thức được giao:

1. Thuộc cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam:

- Tổng Bí thư, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương;
- Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương;
- Bí thư, Phó Bí thư tỉnh ủy, thành ủy thành phố trực thuộc Trung ương;
- Trưởng ban, Phó trưởng ban các Ban trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương, Chánh Văn phòng, Phó Văn phòng Trung ương Đảng;
- Đặc phái viên hoặc trợ lý của Tổng Bí thư.

2. Thuộc cơ quan Quốc hội, Chủ tịch nước:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch nước;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Quốc hội; Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Hội đồng Quốc phòng và an ninh; Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Hội đồng dân tộc;
- Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội; Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước;
- Đại biểu Quốc hội ra nước ngoài thực hiện nhiệm vụ đối ngoại của Quốc hội;
- Đặc phái viên hoặc trợ lý của Chủ tịch nước.

3. Thuộc cơ quan hành chính Nhà nước:

- Thủ tướng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ;
- Thứ trưởng, Phó Thứ trưởng cơ quan ngang Bộ; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; Phó Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ;
- Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm hoặc Tổng cục trưởng, Phó Tổng cục trưởng các Tổng cục trực thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ, sĩ quan có cấp hàm từ Thiếu tướng và Chuẩn đô đốc hải quân trở lên thuộc các lực lượng vũ trang nhân dân;
- Đặc phái viên hoặc trợ lý của Thủ tướng Chính phủ.

4. Thuộc cơ quan Tư pháp:

- Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

5. Thuộc các đoàn thể nhân dân ở Trung ương:

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Trung ương Hội Nông dân Việt Nam;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam;
- Bí thư thứ nhất, Bí thư thường trực Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

6. Thuộc cơ quan Nhà nước ở địa phương:

Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

7. Thuộc cơ quan ngoại giao, lãnh sự:

a) Những người có hàm cấp ngoại giao, lãnh sự dưới đây:

- Đại sứ, Trưởng phái đoàn đại diện Thường trực nước ta ở nước ngoài hoặc bên cạnh các tổ chức quốc tế;
- Công sứ, Tham tán, Bí thư, Tùy viên kể cả Tùy viên và Phó Tùy viên quân sự;
- Tổng lãnh sự, Lãnh sự, Phó lãnh sự và Tùy viên lãnh sự.

b) Giao thông viên ngoại giao, giao thông viên lãnh sự.

8. Vợ hoặc chồng, các con dưới 16 tuổi của những người thuộc diện quy định từ khoản 1 đến khoản 7 Điều này, nếu cùng đi công tác và cùng lưu trú ở nước ngoài với những người đó.

9. Trong một số trường hợp cần thiết, do yêu cầu nhiệm vụ và tính chất chuyển đi công tác, theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan chủ quản, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao được quyền xét, quyết định cấp hộ chiếu ngoại giao cho những đối tượng ngoài diện quy định tại điều này.

Điều 6. Hộ chiếu công vụ cấp cho những cán bộ, viên chức không thuộc diện quy định tại Điều 5 Nghị định này, bao gồm: